

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 23-4-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Tiến
2. Bà Lê Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bành Thị L, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: đường V, phường Q, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Đàm Ngọc H, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường M, phường Q, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Bành Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà và ông Đàm Ngọc H do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/02/2018 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Ông, bà không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, ông H có người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Tháng 8/2018, bà và ông H sống ly thân với nhau cho đến nay.

Về con chung: Vợ chồng chung sống không có con chung; bà xác nhận hiện nay bà không có mang thai với ông H.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Đàm Ngọc H; về con chung: không có; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đàm Ngọc H là bị đơn không nộp bản tự khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Bà Bành Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đàm Ngọc H; đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Đàm Ngọc H là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ông Đàm Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bành Thị L và ông Đàm Ngọc H chung sống có đăng ký kết hôn ngày 05/02/2018 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố R, tỉnh Kiên Giang nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Theo bà L khai quá trình chung sống ông, bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn như: không phù hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hàng ngày thường cự cãi dẫn đến mất lòng tin với nhau. Hậu quả hai bên đã sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay.

Đối với ông H, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm

tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng đến nay ông H không nộp bản tự khai thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà L và Tòa án cũng không tiến hành lấy lời khai được. Xét thấy ông H không thực hiện quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự theo quy định tại Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử nhận thấy thời gian vợ chồng bà L, ông H kết hôn cho đến nay mới được khoảng 01 năm mà cuộc sống hôn nhân đã phát sinh nhiều mâu thuẫn như vậy nên tảng hôn nhân của hai vợ chồng không vững chắc. Từ thời điểm vợ chồng sống ly thân là tháng 8/2018 cho đến nay thì hai bên không gặp gỡ, thăm hỏi nhau, không bên nào thể hiện sự mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Như vậy giữa hai vợ chồng không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, hôn nhân giữa bà L và ông H không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Do đó có cơ sở để cho rằng tình trạng hôn nhân giữa hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông H.

[2.2] Về con chung: Bà L xác định quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Án phí sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Bành Thị L được ly hôn với ông Đàm Ngọc H.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Bành Thị L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001420 ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp Rạch Giá;
- THADS Tp Rạch Giá;
- **UBND phường Q;**
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hoàng Hồng Thắm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM

HỘI THẨM

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tiến

Lê Thị Mỹ

Hoàng Hồng Thắm

